

Số: ~~3906~~/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 229/TTr-SNN ngày 20/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bí thư Thành ủy, các PBT Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VPUBTP: CVP, PCVP: C.N.Trang,
- các phòng: KSTTHC, KTN, HCTC, THCB;
- Trung tâm báo chí Thủ đô Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

Phụ lục 1

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số **3906**/QĐ-UBND ngày **02** tháng **8** năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Tên Quy trình nội bộ	Ký hiệu
I	Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường	
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	QT-01



Phụ lục 2

NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 3906 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Quy trình Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (QT- 01)

Quy định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (QĐ 66/15)

1	Mục đích: Quy định cách thức, nội dung, trình tự thực hiện thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với Tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) liên quan đến hoạt động công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Việt Nam; Cán bộ, công chức Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội và các sở, ngành có liên quan.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý - Quyết định 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; - Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	
-	Thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.	x	
3.3	Số lượng hồ sơ: 10 bộ (01 bộ hồ sơ gốc và 09 bộ hồ sơ bản sao).		
3.4	Thời gian xử lý		

Thư

	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ phải thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội Địa chỉ: 38 Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội. * Cách thức tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp; Qua dịch vụ bưu chính hoặc Qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: dichvucong.hanoi.gov.vn . * Phòng chuyên môn giải quyết TTHC: Kỹ thuật và Chính sách nông nghiệp			
3.6	Lệ phí: Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức đầu mối vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã)	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	-Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả. -Chuyển hồ sơ về Trưởng bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính (<i>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ trong ngày làm việc hoặc sáng ngày làm việc tiếp theo trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15h</i>)	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
B3	Chuyển hồ sơ phòng chuyên môn	Trưởng Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ



B4	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/2 ngày	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B5	Kiểm tra hồ sơ			
B5.1	Hồ sơ không hợp lệ Từ chối xử lý hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	04 ngày (Trong đó: Chuyên viên: 02 ngày; Lãnh đạo phòng: 01 ngày; Lãnh đạo Sở: 01 ngày)	Văn bản thông báo cho tổ chức (trường hợp từ chối hoặc yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ); Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B5.2	Hoàn thiện và nộp bổ sung hồ sơ về Sở Nông Nghiệp và PTNT Hà Nội. Sau thời gian 30 ngày làm việc chưa nhận được hồ sơ bổ sung hồ sơ, Sở Nông nghiệp từ chối xử lý hồ sơ.	Tổ chức đầu mối vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	30 ngày	
B5.3	Nhận, kiểm tra hồ sơ (bổ sung) của tổ chức đầu mối vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Bộ phận một cửa; Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	05 ngày (Trong đó: Bộ phận một cửa: 01 ngày; Lãnh đạo phòng: 01 ngày; Chuyên viên: 03 ngày)	- Phiếu tiếp nhận bổ sung hồ sơ; - Văn bản thông báo cho tổ chức (Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết); - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B5.4	Trường hợp hồ sơ hợp lệ: chuyển thực hiện bước tiếp theo			
B6	Bước 2: Thành lập Tổ thẩm định, gồm: Tổ	Chuyên viên, Lãnh đạo	05 ngày (Trong đó:	Quyết định thành lập Tổ Thẩm định



	trưởng là đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thư ký Tổ thẩm định là chuyên viên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên khác là đại diện Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường và đại diện các đơn vị, chuyên gia có liên quan.	phòng chuyên môn; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	<i>Chuyên viên: 03 ngày; Lãnh đạo phòng: 01 ngày; Lãnh đạo Sở 01 ngày)</i>	
B7	Tổ chức họp thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế. Tổ thẩm định có trách nhiệm: (1) Đánh giá hồ sơ do doanh nghiệp lập về tính đầy đủ, chính xác, đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ. (2) Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đoàn kiểm tra thực tế vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận. + Trường hợp 1: Đối với hồ sơ qua thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết từ chối xử lý hồ sơ.	Tổ thẩm định; Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	10 ngày (Trong đó: <i>đánh giá thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế: 05 ngày; Chuyên viên: 03 ngày; Lãnh đạo phòng chuyên môn: 01 ngày; Lãnh đạo Sở 01 ngày)</i>	- Biên bản họp. - Báo cáo thẩm định hồ sơ. - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. (Trường hợp 1)



	+ Trường hợp 2: Đối với hồ sơ qua thẩm định đủ điều kiện giải quyết: Chuyển thực hiện bước tiếp theo			
B8	Báo cáo, trình UBND thành phố Hà Nội công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội	04 ngày (Trong đó: <i>Chuyên viên: 02 ngày, Lãnh đạo phòng chuyên môn: 01 ngày; Lãnh đạo Sở 01 ngày</i>)	Tờ trình; dự thảo Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
B9	UBND Thành phố ban hành Quyết định công nhận hoặc thông báo lý do từ chối công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gửi về Sở Nông Nghiệp và PTNT Hà Nội.	Lãnh đạo UBND Thành phố	05 ngày	Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc văn bản thông báo lý do từ chối công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
B10	Hoàn thiện hồ sơ; Bàn giao kết quả giải quyết TTHC về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC.	Chuyên viên phòng chuyên môn; Văn thư	01 ngày	- Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc văn bản thông báo lý do từ chối công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ.
B11	Trả kết quả giải quyết TTHC	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TTHC	Giờ hành chính	- Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc văn bản thông báo lý do từ chối công



				nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. - Sổ theo dõi hồ sơ.
B12	- Thống kê và theo dõi; - Lưu hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả TTHC; Phòng chuyên môn	Giờ hành chính	HS giải quyết TTHC, kèm theo: <i>Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có); Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (trường hợp từ chối tiếp nhận HS); Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (trường hợp giải quyết hồ sơ chậm muộn); Sổ theo dõi hồ sơ.</i>
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (<i>Mẫu B1-ĐCN-BNN quy định tại văn bản số 2613/BNN-KHCN ngày 04/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg</i>).			
	2. Thuyết minh vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (<i>Mẫu B2. TMV-BNN quy định tại văn bản số 2613/BNN-KHCN ngày 04/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg</i>)			
	3. Quyết định công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (<i>Mẫu B3. QĐCN-BNN quy định tại văn bản số 2613/BNN-KHCN ngày 04/4/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg</i>)			
	4. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (<i>Mẫu số 01-06</i>).			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh....

Căn cứ quyết định số 66/2015/QĐ-TTg, ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, (tên Doanh nghiệp...) đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tỉnh) xem xét công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:

1. Tên Doanh nghiệp/ Tổ chức đại diện:.....

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ:

- Số điện thoại:..... Fax:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

2. Tên vùng sản xuất nông nghiệp đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

- Số lượng tổ chức thuộc vùng

3. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Bản Thuyết minh vùng sản xuất nông nghiệp đáp ứng đủ các Điều kiện khác theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Phần cam đoan:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai trong đơn đề nghị công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nếu được Chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chúng tôi xin cam kết hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, đúng nội dung đề nghị và chịu trách nhiệm về mọi hành vi của mình trước pháp luật.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tỉnh) xem xét và chứng nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (tên vùng.....)./.

TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Thay

THUYẾT MINH**VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO****I. THÔNG TIN CHUNG****1. Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận**

- Tên Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đề nghị công nhận:.....

.....
 - Tên viết tắt (nếu có):.....

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Địa chỉ:.....

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:

.....
 - Số lượng tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng:.....

(Thông tin cụ thể từng Tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc vùng tại Phụ lục kèm theo)

2. Tên tổ chức đại diện:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)*

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:....., Cơ quan cấp:.....

3. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 2:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: *(Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)*

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:....., Cơ quan cấp:.....

4. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 3:

.....

.....

II. THUYẾT MINH SỰ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 2 QUYẾT ĐỊNH SỐ 66/2015/QĐ-TTg

Thuy

1. Thuyết minh về phương thức tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng, với các tổ chức đầu mối của vùng là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong vùng ký hợp đồng thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp của vùng.

(thuyết minh và đưa ra minh chứng sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong vùng)

2. Thuyết minh về sản phẩm sản xuất trong vùng

(thuyết minh về các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu vượt trội/Sản phẩm nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế cao, chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc quốc gia (Viet GAP) kèm theo các minh chứng)

3. Công nghệ ứng dụng trong vùng

(nêu và mô tả các công nghệ ứng dụng trong sản xuất tại vùng, quy mô ứng dụng, tính tiên tiến của công nghệ, hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ trong việc nâng cao giá trị sản phẩm, tăng năng suất lao động kèm theo các minh chứng)

4. Thuyết minh về sự phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất nông nghiệp của ngành và địa phương, tính chuyên canh của vùng sản xuất hàng hóa, tính liên vùng, liên thửa, Điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng kỹ thuật về giao thông, thủy lợi hiện tại của vùng

(thuyết minh và đưa ra các văn bản, giấy tờ để minh chứng cho việc đáp ứng tiêu chí này).

5. Thuyết minh về quy mô vùng

(nêu rõ đối tượng sản xuất và quy mô sản xuất về diện tích đối với các sản phẩm trồng trọt và nuôi thủy sản; số lượng đầu con đối với sản phẩm chăn nuôi).

III. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Tự đánh giá

(Tự đánh giá đã đáp ứng đủ các tiêu chí quy định tại Quyết định số 66/QĐ-2015/QĐ-TTg để công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hay chưa)

2. Đề nghị

(Nêu những đề nghị về việc xem xét công nhận)

**TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN**

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục (kèm theo thuyết minh):**DANH SÁCH TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG VÙNG NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN**

1. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 1:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: (Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:....., Cơ quan cấp:.....

2. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 2:

- Tên viết tắt (nếu có):

- Tên giao dịch: bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

- Địa chỉ trụ sở:

- Số điện thoại: Fax:

- Đại diện doanh nghiệp: (Họ và tên)....., chức vụ.....

- Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp: (Nêu tóm tắt lĩnh vực đăng ký hoạt động của doanh nghiệp)

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số:....., ngày cấp:....., Cơ quan cấp:.....

3. Tên tổ chức/cá nhân sản xuất kinh doanh 3:

.....

Phụ lục: (kèm theo thuyết minh):

(Các văn bản minh chứng liên quan đến các nội dung kê khai của Thuyết minh)

Mẫu B3 - QĐCN- BNN

(Ban hành kèm theo công văn số /BNN-KHCN ngày .../.../2016 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN
(TỈNH/THÀNH PHỐ.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND số ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao....:

Tên Tổ chức đề nghị công nhận:.....

Tên của vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:....

Địa chỉ:....

Ngành nghề kinh doanh:.....

Số lượng cơ sở kinh doanh:..... (cụ thể thông tin của từng cơ sở)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng năm 20...

Điều 3: UBND tỉnh/thành phố Giám đốc sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Sở NN&PTNT....;
- Sở KH&ĐT.....;
- Sở Tài chính...;
- Website
- Lưu VT,.....;



Thư